

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2026/TLST-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2026;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** (Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cũ).

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Ông Dương Công M ủy quyền lại cho ông Faussier Loic Michel M1 - Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc (theo Quyết định ủy quyền số 2290.2026.QĐ.LEG ngày 01/6/2026 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP S).

- Ông Faussier Loic Michel M1 ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S1 (Công ty S2) (Theo Giấy ủy quyền số 2803.2026.GUQ.LEG ngày 19/6/2026 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

- Ông Nguyễn Văn T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Trưởng Hub xử lý nợ - Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S1 (theo Quyết định ủy quyền số 160.2026.QĐ-S3.SBA ngày 19/6/2026 của S3).

- Ông Nguyễn Văn T1 ủy quyền lại cho ông Nguyễn Bảo Quốc V – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ trên địa bàn thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 01.2026.QĐ.S3 SBA-HUB XLN ĐN ngày 23/6/2026 của Ngân hàng S3).

Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố H.

- *Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M2.*

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố T, phường M, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1965 – Chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M3.*

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố H, phường P, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng L1 – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của ông L1 là bà Lê Thị Bích L, sinh năm 1965, địa chỉ: 4 P, phường T, thành phố H. (Theo Giấy ủy quyền số 06/2026/GUQ-CTKL ngày 07/7/2026 của Công ty TNHH MTV M3).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền còn nợ và phương thức thanh toán:

Công ty TNHH M2 công nhận có nợ của Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng TMCP S1 cũ) số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 07/7/2026 là: 2.501.536.861 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi một đồng), trong đó số tiền nợ gốc: 2.400.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.629.926 đồng, nợ lãi quá hạn: 71.906.935 đồng - theo Hợp đồng tín dụng số: 202326972966 ký ngày 22/02/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202326972966 ký ngày 07/03/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/202326972966 ký ngày 12/04/2023; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/202326972966 ký ngày 01/02/2024; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 04/202326972966 ký ngày 22/08/2024; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 05/202326972966 ký ngày 17/02/2025 và các Giấy nhận nợ số LD 2523400441 ngày 22/08/2025, số LD 2527500549 ngày 02/10/2025 và số LD 2531100171 ngày 07/11/2025.

Công ty TNHH M2 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi là: 2.501.536.861 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi một đồng), trong đó số tiền nợ gốc: 2.400.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.629.926 đồng, nợ lãi quá hạn: 71.906.935 đồng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

2.2. Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp Công ty TNHH M2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp được quy định trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 20 do Văn phòng C lập ngày 07/3/2023, số công chứng: 478, quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung

hợp đồng thế chấp số 01/20 do Văn phòng C lập ngày 02/02/2024, số công chứng: 407, quyền số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD để đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 363273 tại địa chỉ: Tổ dân phố D (tổ dân phố E cũ), phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Địa chỉ hiện nay: C Sông B, Phường H, Thành phố H); số vào sổ cấp giấy CS 00030 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 21/02/2019; cập nhật thay đổi người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 08/03/2019 cho Công ty TNHH MTV M3. Tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 08/03/2023.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán số tiền còn nợ, Công ty TNHH M2 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP S đến khi hết nợ.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Các bên đương sự thỏa thuận Công ty TNHH M2 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Công ty TNHH M2 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% án phí, cụ thể số tiền án phí của số tiền tranh chấp 2.501.536.861 đồng là 41,015,369 đồng, làm tròn thành 41.015.000 đồng (Bốn mươi một triệu không trăm mười lăm nghìn đồng). Các đương sự thỏa thuận bị đơn là Công ty TNHH M2 có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.132.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000360 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; AV.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến